

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1315* /BNV-TH
V/v báo cáo các số liệu về
công tác cán bộ nữ

Hà Nội, ngày *21* tháng *4* năm 2014

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020, Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ quy định về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới, Quyết định số 56/2011/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia, Thông tư số 07/2012/TT-BKHĐT ngày 22 tháng 10 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định nội dung Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia, Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới cấp tỉnh, huyện, xã, Quyết định số 15/2014/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với bộ, ngành, Bộ Nội vụ hướng dẫn và đề nghị các bộ, ngành, địa phương thống kê, báo cáo các số liệu về công tác cán bộ nữ như sau:

1. Đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thu thập, tổng hợp và báo cáo các số liệu sau trước ngày 15 tháng 12 hàng năm:

a) Số lượng, tỷ lệ nữ cán bộ, công chức trong cơ quan, đơn vị; số lượng nữ đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo chính quyền, bao gồm các chức danh Phó Vụ trưởng và tương đương trở lên; các cơ quan, đơn vị có cán bộ chủ chốt là nữ (theo biểu mẫu số 1a và 2a gửi kèm).

b) Tỷ lệ nữ trong diện quy hoạch các chức danh cán bộ chủ chốt (theo biểu mẫu số 3a gửi kèm).

c) Danh sách trích ngang các chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt và cán bộ chủ chốt là nữ (theo biểu mẫu số 6 gửi kèm).

2. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thu thập, tổng hợp và báo cáo các số liệu sau:

a) Số liệu báo cáo theo nhiệm kỳ: Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp (theo biểu mẫu số 4 gửi kèm). Năm 2014 thống kê tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011- 2016.

b) Số liệu báo cáo trước ngày 15 tháng 12 hàng năm:

- Số lượng nữ đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo chủ chốt của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã) và số lượng nữ đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo chính quyền, bao gồm các chức danh: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương (theo biểu mẫu số 1b gửi kèm).

- Số lượng Ủy ban nhân dân các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ, bao gồm các chức danh: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp (theo biểu mẫu số 5 gửi kèm).

- Số lượng các cơ quan nhà nước trên địa bàn (theo các cấp tỉnh, huyện, xã) có từ 30% nữ trở lên có cán bộ chủ chốt là nữ, bao gồm các chức danh: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương của các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện (theo biểu mẫu số 2b gửi kèm).

- Tỷ lệ nữ trong diện quy hoạch các chức danh cán bộ chủ chốt (theo biểu mẫu số 3b gửi kèm).

- Danh sách trích ngang các chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt và cán bộ chủ chốt là nữ (theo biểu mẫu số 6 gửi kèm).

Trong năm 2014, các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thống kê các số liệu có liên quan và báo cáo về Bộ Nội vụ trước ngày 31 tháng 10 năm 2014 để tổng hợp, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giao Vụ/Ban Tổ chức cán bộ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao Sở Nội vụ làm đầu mối phối hợp với Vụ Tổng hợp, Bộ Nội vụ (số điện thoại: 04.62820460 hoặc 04.37957054) để tổ chức thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- SNV các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để p/h);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Tiến Dĩnh;
- Lưu: VT, TH (10b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Tiến Dĩnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 668/SY-UBND

Nơi nhận:

- CT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- CVP, K12;
- Lưu: VT (04b).

SAO Y BẢN CHÍNH

Bình Định, ngày 29 tháng 4 năm 2014

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Ha Binh
Nguyễn Thái Bình